TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **115**/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 182/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V. Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V: Ông V1, Chức vụ: Cán bộ pháp lý. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà N. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2025, đơn đề nghị rút một phần yêu cầu đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2025 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng V (do ông V1 là người đại diện hợp pháp) trình bày:* Bà N đã vay vốn của Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng với số tiền vay và mục đích vay như sau:

- Hợp đồng số LN2209306934032, số hồ sơ giải ngân LD2227802465: Số tiền vay/hạn mức: 45.000.000 đồng; Thời hạn vay: 24 tháng; Ngày giải ngân: 05/10/2022; Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân; Ngày vi phạm: 06/02/2023.

- Hợp đồng số 219168843891021100, số hồ sơ giải ngân LD2318500408: Số tiền vay/hạn mức: 24.000.000 đồng; Thời hạn vay: 24 tháng; Ngày giải ngân: 04/7/2023; Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân; Ngày vi phạm: 06/02/2023.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn. Tạm tính đến ngày 03/7/2025, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền là 94.489.620 đồng, bao gồm nợ gốc là 52.645.476 đồng, nợ lãi là 41.844.144 đồng.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2025, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 03/7/2025 với số tiền là 94.489.620 đồng, bao gồm nợ gốc là 52.645.476 đồng, nợ lãi là 41.844.144 đồng; đồng thời, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng.

Tại đơn đề nghị rút một phần yêu cầu đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2025, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 219168843891021100/LD2318500408, chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2209306934032/LD2227802465.

Theo văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và bảng tính lãi gửi cho Tòa án, ông V1 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2209306934032/LD2227802465, tính đến ngày 30/9/2025 với số tiền là 64.100.748 đồng, bao gồm nợ gốc là 29.380.203 đồng, nợ lãi là 34.720.545 đồng; đồng thời, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi theo hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn bà N:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N nhưng bà N không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V1 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì ông V1 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đã được rút lại một phần như đã nêu trên; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N thanh toán số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Bà N là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[4] Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2025, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng số LN2209306934032/LD2227802465, 219168843891021100/LD2318500408. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị rút một phần yêu cầu đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2025, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 219168843891021100/LD2318500408, chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2209306934032/LD2227802465. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng đã rút này.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là ông V1 vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N nhưng bà N không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình; các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng xuất trình về hợp đồng tín dụng là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Về nội dung vụ án: Tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử số LD2324000970/LN2308170027300, bà N đã thỏa thuận vay của Ngân hàng số tiền vốn là 45.000.000 đồng, với mục đích phục vụ đời sống và mua bảo hiểm; hợp đồng được các bên ký kết theo đúng quy định; Ngân hàng đã giải ngân số tiền vốn là 45.000.000 đồng cho bà N nhận vào ngày 05/10/2022 với hình thức bà N trực tiếp rút tiền mặt; tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2025 thì bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 64.100.748 đồng, gồm nợ gốc là 29.380.203 đồng, nợ lãi là

34.720.545 đồng. Hợp đồng tín dụng nêu trên được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118 Bộ luật Dân sự năm 2015, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên nên Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ và số tiền lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 64.100.748 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[8] Kể từ ngày 01/10/2025 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019).

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, giải quyết buộc bà N thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 64.100.748 đồng theo hợp đồng tín dụng số LN2209306934032/LD2227802465; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng đã rút đối với số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 219168843891021100/LD2318500408.

[10] Về án phí sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; bà N phải chịu án phí sơ thẩm là 64.100.748 đồng x 5% = 3.205.037 đồng tương ứng trên số tiền còn nợ là 64.100.748 đồng bị Tòa án buộc thanh toán cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119, 280, 357, 398, 401, 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2209306934032/LD2227802465.

Buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2025 là 64.100.748 đồng (*Sáu mươi bốn triệu một trăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng*), gồm nợ gốc là 29.380.203 đồng, nợ lãi là 34.720.545 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 219168843891021100/LD2318500408.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng V không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng V đã nộp (do ông V1 là người nộp thay) là 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001895, ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bà N phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 3.205.037 đồng (*Ba triệu hai trăm lẻ năm nghìn không trăm ba mươi bảy đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND KV10-CT (01);
- THADS thành phố Cần Thơ (01);
- TAND thành phố Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt